

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các đơn vị cung cấp hàng hóa

Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng dự toán mua sắm: Cung cấp hàng biểu mẫu quý II năm 2025 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế (Địa chỉ: 41-51 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế)

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nguyễn Thị Anh Đào, SĐT: 0935845647, địa chỉ email: ntanhdaotk94@gmail.com

Để biết thêm chi tiết hoặc đơn vị có nhu cầu khảo sát chi tiết vui lòng liên hệ Nguyễn Thị Thu Hà, chức vụ: Phó Trưởng Phòng VTTB&CSVCS, SĐT: 0981330304)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Trường Đại học Y – Dược Huế (Địa chỉ: 41-51 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận Hóa, thành phố Huế)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h00 ngày 24 tháng 4 năm 2025 đến trước 17h00 ngày 5 tháng 5 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 30 ngày, kể từ ngày báo giá

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

Danh mục hàng hóa:

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách	ĐVT	Số lượng
1	Bảng cam kết phòng chống cháy nổ	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	5.000
2	Bảng kê chi phí vật tư tiêu hao	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	15.000
3	Bảng kê chi phí vật tư tiêu hao PM(MB02)	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	3.000
4	Bảng kiểm an toàn phẫu thuật	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	25.000
5	Bảng kiểm chuẩn bị người bệnh trước phẫu thuật(mới)	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	10.000
6	Bảng kiểm chụp cộng hưởng từ MRI	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	2.000
7	Bệnh án ngoại	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	8.000

8	Bệnh án nội khoa	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	5.000
9	Bệnh án sơ sinh	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	1.000
10	Bệnh án Ung Bướu	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy A3/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 02 mặt/01 màu	Tờ	2.000
11	Cam kết đồng ý tiêm thuốc cản quang	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 02 mặt/01 màu.	Tờ	2.000
12	Bì thư nhỏ	KT: 13cm x 19cm. Làm bằng giấy A4 One 80g/m2, độ trắng 100, in 01 màu. Gấp dán vuông ngoài. Phần gấp xuống 3cm	Cái	1.000
13	Đơn thuốc	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	20.000
14	Giấy cung cấp thông tin và cam kết chung về nhập viện nội trú	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	25.000
15	Giấy cam kết chấp nhận phẫu thuật, thủ thuật và gây mê hồi sức	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	15.000
16	Giấy hồng dùng in giấy ra viện	KT: 14,5cm x 21cm. Làm bằng giấy Fo hồng (giấy ngoài), DL 180	Tờ	10.000
17	Phiếu hẹn trả kết quả xét nghiệm	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 màu vàng 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	40.000
18	Phiếu đồng ý thanh toán phần ngoài chi trả BHYT	KT: 14,5cm x 21cm. Giấy A5/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	20.000
19	Phiếu lĩnh thuốc ban giám đốc duyệt	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	50
20	Phiếu lĩnh thuốc gây nghiện	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
21	Phiếu lĩnh thuốc hướng tâm thần	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	10
22	Bảng theo dõi ngày giường	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	10.000
23	Phiếu theo dõi chức năng sống	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	20.000
24	Phiếu lĩnh máu và phát máu	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	30
25	Phiếu theo dõi điều trị	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	50.000
26	Phiếu theo dõi hồi sức	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	3.000
27	Phiếu theo dõi xử trí cấp cứu	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4 Ngoại Paper one /70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu	Tờ	15.000
28	Phiếu theo dõi truyền dịch	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	7.000
29	Phiếu chăm sóc	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	45.000

30	Phiếu phẫu thuật thủ thuật	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
31	Sổ bàn giao người bệnh vào khoa	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	100
32	Sổ giao nhận đồ vải cho người bệnh	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
33	Sổ yêu cầu sửa chữa	KT: 14,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 1 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
34	Sổ ghi kết quả CDHA	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ	Cuốn	20
35	Sổ ghi kết quả CT-MRI	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ	Cuốn	10
36	Sổ chỉ thị	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	40
37	Sổ giao nhận bệnh phẩm	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	40
38	Sổ giao ban	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	100
39	Sổ vào viện-ra viện-chuyển viện	KT: 29,5cm x 41cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90 in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng. Khâu chỉ	Cuốn	10
40	Sổ sinh hoạt hội đồng người bệnh	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy nội 70g/m2, độ trắng 90, in 2 mặt/1 màu. Đóng thành 100 tờ/cuốn. Bìa cứng màu trắng khâu chỉ.	Cuốn	20
41	Tờ điều trị số	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2 mặt/1 màu	Tờ	10.000
42	Tờ duyệt mổ	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1 mặt/1 màu	Tờ	3.000
43	Trích biên bản hội chẩn	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu	Tờ	30.000
44	Tư vấn tiêm vắc xin viêm gan B	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 1mặt/1 màu	Tờ	2.000
45	Giấy cam đoan xin làm phẫu thuật(vô sinh)	KT: 14,5x21cm. Giấy A5 70g/m2, giấy nội in 01 mặt/01 màu.	Tờ	500
46	Phiếu kết quả xét nghiệm (vô sinh)	KT: 29,5cm x 21cm. Giấy A4/70g/m2, độ trắng 90, giấy nội in 2mặt/1 màu	Tờ	500

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản hàng hóa: giao hàng tại Kho Quản trị của Bệnh viện Trường Đại học Y - Dược Huế, 51 Nguyễn Huệ, phường Vĩnh Ninh, quận Thuận hóa, thành phố Huế.)

3. Các thông tin khác (nếu có): yêu cầu quý công ty, nhà cung cấp báo giá theo mẫu báo giá của Thông tư số 14/2023/TT-BYT và báo giá phải bỏ vào túi hồ sơ được niêm phong ghi rõ thông tin đơn vị gửi (tên công ty, báo giá cho gói thầu, ...)

Rất mong Quý Công ty, nhà cung cấp quan tâm tham gia chào giá.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban Giám đốc;
- Phòng: TCKT, VTTB&CSVC;
- Website bệnh viện (thông báo rộng rãi);
- Lưu: VT, VTTB&CSVC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khoa Hùng

